



KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
Ngành đào tạo: **Quản trị kinh doanh** Khoa đào tạo: **2025**
Chuyên ngành: **Quản trị Marketing**
Trình độ đào tạo: **Đại học** Hình thức đào tạo: **Chính quy**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 5420/QĐ-ĐHĐT ngày 20 tháng 8 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

TT	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tín Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
A. Kiến thức giáo dục đại cương			32						
I. Ngoại ngữ (*)				Theo QĐ số 6116/QĐ-ĐHĐT, ngày 25/9/2025					
II. Tin học (*)									
III. Giáo dục quốc phòng (*)			11						
1	GE4165	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam*	3	45					2
2	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh*	2	30			GE4165		
3	GE4166	Quân sự chung*	2	14	16		GE4165		
4	GE4167	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật*	4	4	56		GE4165		
IV. Giáo dục thể chất (*)			3						
4.1. Giáo dục thể chất bắt buộc			2						
5	GE4306	Giáo dục thể chất 1*	1		30				2
6	GE4334	Giáo dục thể chất 2* (Bơi lội)	1		30		GE4306		3
4.2. Giáo dục thể chất tự chọn (chọn ít nhất 01 tín chỉ)			1						
7	GE4335	Bóng đá*	1		30		GE4306		3
8	GE4336	Bóng chuyền*	1		30		GE4306		3
9	GE4337	Cầu lông*	1		30		GE4306		3
10	GE4338	Võ thuật Vovinam*	1		30		GE4306		3
11	GE4339	Võ thuật Karatedo*	1		30		GE4306		3
12	GE4340	Cờ vua*	1		30		GE4306		3
13	GE4347	Pickleball*	1		30		GE4306		3
V. Đại cương chung			18						
5.1. Đại cương chung bắt buộc			16						
14	EC4501B	Nhập môn ngành Quản trị kinh doanh	1	15					1
15	GE4091	Triết học Mác - Lênin	3	45					1
16	GE4039	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	30					1
17	AI4450	Nhập môn Công nghệ số và ứng dụng AI	2	30					2
18	GE4092	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30					3
19	GE4093	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30					4
20	GE4056	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30					5
21	GE4094	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30					6
5.2. Đại cương chung tự chọn (chọn ít nhất 02 tín chỉ)			2						
22	GE4045	Tâm lý học đại cương	2	30					1
23	GE4407	Hình thành và phát triển kỹ năng mềm	2	30					1
24	GE4061	Xã hội học đại cương	2	30					1
25	PO4005	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	30					1
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			102						
I. Kiến thức cơ sở nhóm ngành			12						
26	EC4001	Kinh tế vi mô	3	45					1
27	EC4002	Kinh tế vĩ mô	3	45			EC4001		3
28	EC4144	Quản lý nhà nước về kinh tế	2	30					5
29	EC4008	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	2	30					5
30	EC4003	Luật kinh tế	2	30					3
II. Kiến thức cơ sở ngành			20						
2.1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc			18						
31	EC4006	Nguyên lý kế toán	3	45					3
32	EC4010	Toán kinh tế	3	45					3
33	EC4009	Quản trị học	3	45					4
34	EC4005	Marketing căn bản	3	45					4
35	EC4004	Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ	3	45					1
36	EC5001	Thống kê ứng dụng trong kinh tế	3	30	30				4

TT	Mã HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tín Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
2.2. Kiến thức cơ sở ngành tự chọn (chọn ít nhất 03 tín chỉ)			2						
37	PM4001	Kinh tế quốc tế	2	30					5
38	EC5002	Kinh tế phát triển	2	30					5
39	IB0018	Chuyển đổi số và thương mại điện tử	2	30					5
40	EC4256	Tâm lý học trong kinh doanh	2	30					5
III. Kiến thức chuyên ngành			40						
3.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			28						
41	MM4001	Hành vi khách hàng	3	45					5
42	MM4003	Quản trị sản phẩm	3	45			EC4009		8
43	MM4004	Quản trị giá	2	30			EC4009		8
44	MM4005	Quản trị kênh phân phối	3	45			EC4009		8
45	MM4006	Quản trị truyền thông Marketing	3	45			EC4009		9
46	EC4146	Quản trị nhân lực	3	45			EC4009		7
47	EC4237	Quản trị thương hiệu	3	45			EC4009		8
48	EC4232	Quản trị Marketing	3	45			EC4005		7
49	MM4007N	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị Marketing	2	30			EC4005		9
50	MM4002	Nghiên cứu Marketing	3	30	30				7
3.2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn			12						
3.2.1. Nhóm 1 (chọn ít nhất 03 tín chỉ)			3						
51	MM4010	Marketing nông nghiệp	3	45			EC4005		5
52	EC4219	Marketing quốc tế	3	45			EC4005		5
53	MM4011	Marketing địa phương	3	45			EC4005		5
54	MM4012	Marketing ngân hàng	3	45			EC4005		5
3.2.2. Nhóm 2 (chọn ít nhất 03 tín chỉ)			3						
55	MM4013	Marketing nội dung (Content Marketing)	3	45			EC4005		6
56	MM4014	Marketing trực tiếp	3	45			EC4005		6
57	MM4015	Thiết kế truyền thông đa phương tiện	3	45			EC4005		6
58	MM4016	Digital Marketing	3	45			EC4005		6
3.2.3. Nhóm 3 (chọn ít nhất 03 tín chỉ)			3						
59	MM4017	Marketing thương mại	3	45			EC4005		6
60	MM4018	Marketing dịch vụ	3	45			EC4005		6
61	MM4019	Quan hệ công chúng	3	45			EC4005		6
3.2.4. Nhóm 4 (chọn ít nhất 03 tín chỉ)			3						
62	MM4020	Quản trị chuỗi cung ứng	3	45			EC4009		9
63	EC4131	Quản trị bán hàng	3	45			EC4009		9
64	EC4247N	Quản trị quan hệ khách hàng	3	45			EC4009		9
65	EC4109	Quản trị tài chính	3	45			EC4004		9
IV. Kiến thức bổ trợ			9						
66	EC4163	Ứng dụng phần mềm phân tích định lượng trong kinh tế	3	30	30				6
67	EC4281	Khởi nghiệp	3	45	0				8
68	EC4206	Giao tiếp kinh doanh	3	45	0				7
V. Khối kiến thức thực tập nghề nghiệp			15						
69	MM4002	Phân tích dữ liệu cho các quyết định quản trị marketin	3	15	30				
70	MM4162N	Thực tế chuyên môn	3	15	60				6
71	MM4491	Thực tập cơ sở	3	0	90				10
72	MM4407	Thực tập tốt nghiệp	6	0	180				10
VI. Khóa luận tốt nghiệp/Đồ án tốt nghiệp/Học phần thay thế			6						
6.1. Khóa luận tốt nghiệp			6						
73	MM4297B	Khóa luận tốt nghiệp	6		180				11
6.2. Học phần thay thế khóa luận			6						
74	MM4008	Marketing chiến lược	3	45					11
75	MM4009	Chuyên đề Quản trị marketing	3	5	80				11
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			134						
Tổng số tín chỉ điều kiện:			14						
Tổng số tín chỉ tích lũy:			120						
Tổng số tín chỉ bắt buộc:			98						
Tổng số tín chỉ tự chọn:			22						